

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phước;
2. Ông Nguyễn Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Hoàng O, sinh năm: 1980; (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Đỗ Thanh S, sinh năm: 1975; (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng O trình bày:

Chị O và anh Đỗ Thanh S tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2015. Chị O, anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống ở TP HCM một thời gian, sau đó về quê sống với gia đình anh S một thời gian do chị O bất đồng với mẹ anh S nên anh chị ra ở riêng tại ấp Phú Mỹ, xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 04 năm xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S thường nhậu, say sưa không chăm lo cho gia đình ngoài ra, nhiều lần anh S đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Chị O nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi nên chị đã sống

riêng đến nay. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay chị O xác định không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: chị O, anh S có 01 con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 03/7/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị O. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh S đang làm việc bên trang trí nội thất, hàng tháng thu nhập của anh S khoảng 7.000.000 đồng – 10.000.000 đồng. Anh S có thu nhập ổn định. Chị O đang làm nghề thợ may tại gia đình, thu nhập cũng ổn định khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng.

Chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị O không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Thanh S trình bày:

Vợ chồng anh sống chung như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn. Ngoài ra anh thống nhất tất cả những lời trình bày của chị O là đúng. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O anh S không đồng ý vì còn thương vợ con. Anh S cho rằng lỗi của anh trong sự việc này không lớn, việc anh có lời lẽ thiếu tế nhị và đánh chị O là do khi uống rượu say không tự chủ được. Vì vậy anh muốn hàn gắn để xây dựng gia đình và lo con cái.

Về nuôi con chung: như chị O trình bày, anh chị có 01 con chung Trần Hoàng T, sinh ngày 03/7/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị O. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Chị O yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho chị O với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi bé T đủ 18 tuổi anh S đồng ý. Hiện nay anh đang làm việc bên trang trí nội thất, hàng tháng thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 10.000.000 đồng. Thu nhập ổn định. Thu nhập của chị O khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Anh S thấy vợ chồng anh vẫn còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án cho thời gian 01 tháng kể từ ngày Tòa án tổ chức phiên hòa giải để anh tìm cách khuyên nhủ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị O.

Tại phiên tòa chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời trình bày trước đây. Chị O xác định không còn tình cảm với anh S. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị nêu trên chưa được tháo gỡ. Anh S yêu cầu Tòa án cho thời gian để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm

vợ chồng nhưng từ khi Tòa án tổ chức phiên hòa giải đến nay, anh S bỏ đi không một lần gặp mặt chị để giải quyết việc của vợ chồng chị như anh S đã nói, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04/02/2020, chị Trần Thị Hoàng O khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thanh S. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị O:*

Chị O, anh S tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Túc, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/7/2015. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S thường nhậu, say sưa không chăm lo cho gia đình ngoài ra, nhiều lần anh S đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị O đã nhiều lần khuyên nhủ, gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa đã khuyên nhủ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ khi ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay các nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị nêu trên chưa được tháo gỡ. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng từ trước đến nay anh không có động thái nào để tháo gỡ mâu thuẫn, cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh S trình bày vợ chồng anh còn khả năng hàn gắn nhưng tại phiên tòa chị O vẫn cương quyết xin ly hôn, khẳng định không còn tình cảm với anh S. Anh S yêu cầu Tòa án cho thời gian để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng từ khi Tòa án tổ chức phiên hòa giải đến nay, anh S không một lần gặp mặt chị O để giải quyết việc của vợ chồng chị. Chị O cho rằng trong quá trình chung sống anh S đối xử tệ bạc với chị, làm tổn thương tình cảm của chị quá lớn nên chị không thể tiếp tục hôn nhân này. Hội đồng xét xử đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị O vẫn không thay đổi ý kiến. Điều này có cơ sở khẳng định tình trạng của vợ chồng chị O đã trầm T, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh S, chị O có 01 con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 03/7/2013. Hiện nay con chung đang sống với chị O. Chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý cho chị O được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T nên ghi nhận, cần giao cháu T cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: Chị O yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cho chị với mức 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh S đồng ý nên ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trong đủ 18 tuổi. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị O, anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị O, anh S không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[7] Về án phí: chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng; anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoàng O xin ly hôn đối với anh Đỗ Thanh S;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hoàng O với anh Đỗ Thanh S.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 03/7/2013 cho chị Trần Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh Đỗ Thanh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Hoàng O với mức 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Thanh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: chị Trần Thị Hoàng O và anh Đỗ Thanh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Trần Thị Hoàng O và anh Đỗ Thanh S không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009728 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Đỗ Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Túc;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA